

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 4 - 2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Diệu

Bà Nguyễn Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 88/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã AL, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn 1, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Trần Văn C; địa chỉ: Thôn A, xã AL, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 17/12/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị N (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 25 tháng 5 năm 2001 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 56/2001). Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, lao động và nuôi dạy con chung. Mặt khác, anh C còn nghiện ma túy, chị N đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh C không nghe dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng thờ ơ, lạnh nhạt và không quan tâm đến nhau. Do mâu thuẫn, chị N và anh C đã sống ly thân nhau từ năm 2014 cho đến nay. Chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không có nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn C.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị N khai: Chị và anh Trần Văn C có 02 con chung là Trần Thanh T, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2001 và Trần Đức T, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2003. Hiện chị N đang nuôi cả hai con. Trường hợp ly hôn, chị N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con tên Trần Đức T. Con tên Trần Thanh T hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị N trình bày chị và anh Trần Văn C tự thỏa thuận giao nhận cho nhau nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N khai: Chị và anh Trần Văn C không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Văn C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật song đến ngày mở phiên tòa, anh C vẫn không có mặt để trình bày ý kiến về việc chị N xin ly hôn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh C. Về việc giải quyết vụ án: Tài liệu điều tra thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị N và anh C được ly hôn. Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn C có 02 con chung là Trần Thanh T, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2001 và Trần Đức T, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2003. Căn cứ tài liệu điều tra xác minh hiện trạng nuôi con, khả năng, điều kiện nuôi con của mỗi bên, nguyện vọng của con chung và căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Tòa án giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Đức T, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2003 cho đến khi con Trần Đức T đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Con tên Trần Thanh T hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Trần Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn C.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn C xác lập năm 2001 là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Tài liệu điều tra xác minh thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong lao động, trong sinh hoạt và nuôi dạy con chung. Mặt khác, anh C còn nghiện ma túy, chị N đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh C không nghe dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng thờ ơ lạnh nhạt và không quan tâm đến nhau. Do mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2014 cho đến nay. Chị N xin ly hôn anh C, Tòa án đã triệu tập anh C nhiều lần để trình bày ý kiến về việc chị N xin ly hôn nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn C được ly hôn.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn C có 02 con chung là Trần Thanh T, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2001 và Trần Đức T, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2003. Hiện chị N đang nuôi cả hai con. Trường hợp ly hôn, chị N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con tên Trần Đức T. Con tên Trần Thanh T hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi thì cần phải xem xét mọi mặt và đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, từ khi sống ly thân đến nay, chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt. Cháu Trần Đức T có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy giao cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Đức T, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2003 cho đến khi con Trần Đức T đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định pháp luật. Con tên Trần Thanh T hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình và phù hợp với nguyện vọng của con chung.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N khai không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn C.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Đức T, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2003 cho đến khi con Trần Đức T đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003454 ngày 07 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị N, anh Trần Văn C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- UBND xã A; H. Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Ngọc Anh

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 23 tháng 4 năm 2020

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Ngọc Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đức Cảnh

2. Bà Nguyễn Thị Lương

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 85/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N; địa chỉ: Thôn 1, xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng;

Bị đơn: Anh Trần Văn C; địa chỉ: Thôn 1, xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

- Về điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Kết quả biểu quyết: 3/3

- Về nội dung:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn C.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Phương Anh, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2018 cho đến khi con Nguyễn Phương Anh đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003455 ngày 07 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị N, anh Trần Văn C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Cảnh

Nguyễn Thị Lương

Lương Ngọc Anh

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

Vào hồi 09 giờ 30 phút, ngày 10 tháng 4 năm 2020

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đức Cảnh

2. Bà Nguyễn Thị Lương

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 854/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N; địa chỉ: Thôn 1, xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng;

Bị đơn: Anh Trần Văn C; địa chỉ: Thôn 1, xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

- Về điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Biểu quyết: 3/3

- Về nội dung: Hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 854/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

Biểu quyết: 3/3

Thời gian mở lại phiên tòa được ấn định như sau: Phiên tòa dân sự sẽ được mở vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 23 tháng 4 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Biên bản thảo luận đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Cảnh

Nguyễn Thị Lương

Lương Ngọc Anh